

Hơn Bảy Mươi Năm Qua

Trần Văn Lắm

Chỉ công mài sắt, có ngày nên kim
Tục ngữ

BBT: *Cụ Trần Văn Lắm ra đi đến nay đã hơn 10 năm. Cụ là một trong những vị cố vấn đầu tiên của Hội Ái Hữu Petrus Trương Vĩnh Ký Úc Châu. Bài viết này của Cụ đã được đăng trong Đặc San số 1 của Hội. Nhận thấy giá trị lịch sử về ngôi trường thân yêu của chúng ta trong bài viết, ban biên tập quyết định đăng lại trong dịp Petrus Ký Toàn Cầu Hội Ngộ tại Sydney, Úc Đại Lợi.*

Thừa lúc nhàn rỗi, lấy quyển sách “Trường Trung học Petrus Ký...” ra đọc, tác giả là anh bạn quý Nguyễn Thanh Liêm. Sách tuy nhỏ nhưng đầy đủ tài liệu ghi lại nhiều kỷ niệm về ngôi trường rất có danh tiếng tại miền nam Việt Nam và đồng thời là một công trình lịch sử về nền giáo dục quốc gia. Tôi chợt thấy ở trang đầu chương hai và ở trang chót chương ba, tác giả vẫn tắt nhắc lại: “Trước khi trường được gọi với tên của nhà bác học Petrus Ký, thì trong niên khóa đầu tiên 1927-28 tên của trường là Collège de Cochinchine”.

Trường trung học Collège de Cochinchine

Vì là học sinh của trường từ ngày đầu và liên tục học tại đó trọn bảy năm cho đến khi ra trường vào năm 1934, tôi chất chứa trong lòng đầy kỷ niệm của những năm “mài sắt”. Năm được nhận vào trường, khi tôi được 14 tuổi, lại là năm nhiều kỷ niệm nhất. Tôi xin giản dị kể ra đây với hy vọng đóng góp một phần nhỏ vào lịch sử của trường.

Tôi học xong phần Sơ Đẳng Tiểu Học tại Chợ Lớn vào năm 1926. Thân phụ tôi không tin tưởng trường tư thực, chỉ mong cho tôi được học trường công. Muốn được nhận vào trường công thì phải đậu kỳ thi tuyển. Khi ấy, tại vùng Sài Gòn-Chợ Lớn chỉ có trường trung học Pháp tên Chasseloup Laubat với một chi bộ nhỏ trong trường dành cho Việt Nam. Tại miền Tây có trường Trung Học Mỹ-Tho dạy đến lớp 4ème année mà thôi. Nhà cha mẹ tôi ở Chợ Lớn, tôi không tiện đi Mỹ-Tho. Không xin được vào trường Pháp, buộc lòng tôi phải đăng ký học ở trường tư cách nhà tôi khoảng mười phút bách bộ để chờ xin thi vào một trường công Việt Nam đang được xây cất ở khu đất vùng Bàn Cờ, nằm đúng trên ranh giới Sài Gòn và Chợ Lớn.

Sau một năm rèn luyện “chí công” ở trường tư, tôi dự thi và được tuyển vào trường mới cất. Tên của Trường rất kêu là: **Collège de Cochinchine** (Trường Trung Học Nam Kỳ) nhưng chỉ có bốn lớp học mà thôi: hai lớp năm thứ nhất tên X1, X2

và hai lớp năm thứ nhì tên X3, X4. Học sinh năm thứ nhất được tuyển trong kỳ thi tôi đã dự. Học sinh năm thứ nhì được đem từ chi bộ Việt Nam của trường Chasseloup Laubat qua. Tất cả học sinh đều là nội trú.

Tháng 9 năm 1927. Ngày nhập học đã đến. Trong khu trường mới, hai nhà lầu, một nhà bếp, một sân chơi có lát gạch và có mái che mưa che nắng đã được xây cất. Ngoài các kiến trúc này là vùng đất rộng mênh mông, chưa có cây cối, chỉ có bụi rậm đầy cỏ sậy. Công trường là hai trụ gạch vuông với một cây tre lớn gác ngang gọi là đóng cửa. Chung quanh khu đất rộng của trường được rào kẽm để giữ ranh giới với vùng Chợ Quán và lân cận của Bàn Cờ.

Chuồng Bò Cầu

Hai nhà lầu lớn và dài song song với các cửa sổ nhỏ từ khoảng, cho cảm tưởng như hai chuồng bò cầu vĩ đại. Học sinh lớp thứ nhất chúng tôi được chiếm một lầu. Đàn anh lớp thứ nhì ở lầu kia. Trên lầu thì dùng làm chỗ ngủ. Dưới lầu trệt là lớp học, phòng ăn, phòng họp cho các giáo sư và nơi làm việc cho thư ký.

Đứng trên lầu trường ngó ra sân phía sau, chúng tôi hình dung như một “đồng không mông quạnh”. Ngắm kỹ thấy nhiều nơi trong sân có lẻ tẻ những mô đất tròn. Đường như là những nắm mồ hoang của ai đã được chôn cất tại đó tự bao giờ mà nhà thầu xây cất trường chưa kịp lấy cốt dời đi nơi khác. Có nhiều đêm, nhìn từ chuồng bò cầu, thấy ánh sáng phát quang phát phơ trên các mô đất làm cho mình rợn tóc gáy.

Vào những ngày tháng nắng, sân trường thật êm ả. Những khi mưa bắt đầu đổ xuống thì éch nhái, ềnh ương kêu vang rền, dể gáy cả đêm. Cảnh trẻ con từ các khu lân cận chui qua hàng rào kẽm gai vào sân bắt dể được thấy thường xuyên từ lớp học.

Sân trường lớn nhưng chưa tu sửa kịp, cho nên không có chỗ cho chúng tôi chơi ngoài trời. Học sinh tập thể dục trong sân có gạch và lợp nóc.

Lúc nghỉ, học sinh đi bách bộ quanh hai: “chuồng bồ câu”, đọc sách hoặc đá cầu trong sân.

Ông Tổng Giám Thị

Các anh học lớp năm thứ nhì nói với chúng tôi là ông Hiệu Trưởng tên Banchelin, có nhà bên trường Chasseloup Laubat. Trọn năm không thấy ông ấy qua thăm trường bên này lần nào. Điều khiến chương trình là ông Tổng Giám Thị (surveillant général) tên Frankini. Ông này là người Pháp gốc Corse, cao lớn, ít nói, không la rầy, được chúng tôi cho là tử tế. Ông có một phòng ngủ cùng lầu với chúng tôi và thường xuyên có mặt tại trường tuy ông chẳng có dạy môn nào. Ông có một con chó lớn dữ dằn, loại Đức (berger allemand). Lúc nào cũng thấy ông dắt theo con chó bên cạnh. Đêm đêm ông đi rào quanh trường với con chó để phòng ngừa kẻ trộm, canh chừng học sinh nội trú nhảy rào đi chơi, và có lẽ cũng sợ ma nhất!

Học Sinh

Học sinh của bốn lớp trong trường đều gốc ở các tỉnh quanh vùng Sài Gòn. Lớp năm thứ nhất của chúng tôi, toàn là học trò mới, không quen với các anh lớp trên, cho nên chỉ chơi chung với nhau. Tuy vậy vẫn biết lớp trên có anh Dương Minh Châu, người Tây Ninh, học xuất sắc nhất.

Lớp chúng tôi có hai anh Nguyễn Văn Sĩ và Nguyễn Văn Trấn cũng không kém gì. Anh Sĩ là người đoan chính, nghiêm nghị, có tài hùng biện, được các bạn kính mến. Sau này anh học Luật, làm tòa xử án, rồi lên chức Tổng Trưởng Tư Pháp đời đệ nhất Cộng Hòa. Anh Trấn từ Chợ Đệm lên, lại khác hơn: bộ tịch yếu điệu như con gái, ăn nói nhỏ nhẹ nhưng lúc nào cũng giễu cợt, khôi hài, thảo luận sắc bén. Rất tiếc sau này anh và tôi không cùng đi một đường. Hiện tại, người ta quen gọi anh là ông Bảy Trấn hoặc là ông già Chợ Đệm. Sách của anh được đồng bào đọc và chú ý nhiều (*Tác giả Nguyễn Văn Trấn: *Chợ Đệm quê tôi, Chúng tôi làm báo, Lô-gích Vui, Viết cho mẹ và Quốc Hội, Giỗ Petrus Trương Vĩnh Ký**).

Trong lầu ngủ, giường chúng tôi được xếp cạnh nhau, cho nên đêm nào cũng nói từ chuyện nọ qua chuyện kia. Một hôm, ba người có cãi nhau về một đề tài mà đến nay tôi vẫn còn nhớ rõ. Bàn về việc vô trường công này, theo anh Sĩ thì tuyển là có lý để lựa các em có khả năng, anh Trấn cho là bất công vì các em đã thi đậu bằng Tiểu Học rồi. Tôi thì nói ngoại giao, phân hai, là có thi tuyển cũng phải, mà cũng phải có cất trường thêm cho những em không được tuyển bằng cuộc thi.

Cũng có giường gần bên chúng tôi, của một anh tên Trọng, người gốc Tân An. Anh này có bệnh mộng du. Trong tuần cũng có vài lần anh đi qua đi lại lúc nửa đêm. Một đêm nọ, sau khi đi ngang đi dọc, anh leo lên cửa sổ ngồi ngó trăng làm ba chúng tôi la hoảng hốt vì sợ anh ta té xuống lầu. Vậy mà năm 1945 khi nổi lên phong trào đánh Pháp giành độc lập, tôi có dịp đi qua thành phố Tân An tôi gặp anh ấy đang làm chủ tịch ủy ban Nhân Dân tỉnh!

Các Thầy

Trong các giáo sư dạy chúng tôi, chỉ có thầy dạy toán, khoa học và Việt văn là người Việt. Các môn học khác đều do các thầy người Pháp phụ trách.

Một lớp học làm cho tôi không thể nào quên được sau hơn 70 năm qua là lớp về đạo đức luân lý (morale) với bà giáo sư Revertégat. Bà rất nhã nhặn, nhưng rất nghiêm nghị với giọng nói cứng rắn, ngắn gọn và gương mặt vuông vắn, không lúc nào thấy cười. Được biết chồng bà là Hiệu Trưởng trường giáo khoa Sài Gòn rất được kính nể.

Tới phiên lớp của bà, học sinh sắp hàng một trước cửa. Bà đứng ở ngưỡng cửa. Học sinh vào lớp đi ngang qua bà phải cúi đầu. Vào lớp phải đứng tại chỗ ngồi, chờ bà vào, gõ thước lên bàn mới được phép an tọa. Bà dạy: “Đi ngoài đường gặp thầy phải giở nón chào và cúi đầu cho đúng lễ phép”. Bà nhắc đi nhắc lại lễ nghĩa Khổng Mạnh là rường cột của nền văn hóa giáo dục Việt Nam mà thế hệ nào cũng phải noi theo.

Các giáo sư Việt thì trái lại không chú ý lắm về các thể thức lễ nghĩa này, luôn cả cụ Nam là giáo sư Việt Văn. Quý vị này, nhất là thầy Lê Văn Kiêm giáo sư Toán Pháp, lại xem tình thầy trò như tình huynh đệ. Được như vậy, mới có sự thông cảm, chia sẻ dễ dàng và hiểu biết mau hơn khi học cũng như khi vào đời. Thật vậy, khi ra đời Thầy là bạn quý mến nhất của tôi. Hai người con rể của Thầy đều là bạn của tôi.

Hai lập trường nói trên, mỗi bên đều có phần phải của nó. Nhưng tôi tin tưởng cái thể trung dung phải là thể hợp lý nhất, có lợi nhất cho dân tộc, như giáo sư Ung Thiều đã viết ra bằng hai câu đối được khắc trước cổng trường Petrus Ký như sau:

Khổng Mạnh cương thường tu khắc cốt

Tây Âu khoa học yếu minh tâm

Úc Châu, mùa Thu 1999

